

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 85/2018/HSST

Ngày: 06-6-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bé
2. Ông Trương Văn Sinh

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Công Tứ, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2018/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

Đ Vã Ph, sinh năm 1986 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Đ V Ch, sinh năm 1963 và bà H Th H, sinh năm 1963; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19 tháng 01 năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 10 tháng 9 năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An (nay là thị xã Thuận An), tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản; ngày 23 tháng 6 năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên), tỉnh Bình Dương xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07 tháng 11 năm 2017 đến nay, có mặt.

Ng M L, sinh năm 1980 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ng V T, sinh năm 1957 và bà H Th L, sinh năm 1958; vợ Tr Th Th, sinh năm 1985; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Ngày 10 tháng 9 năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An (nay là thị xã Thuận An), tỉnh Bình

Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Huy hoại tài sản; ngày 28 tháng 6 năm 2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 28 tháng 12 năm 2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07 tháng 11 năm 2017 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

Ông H M H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 21/2, khu phố 1B, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ông L H D, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp 11, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ng Th B T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 21/2, khu phố 1B, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bà T Th V, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp 11, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Ông Tr Ph L, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố 1, phường Ph, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Ông Ng H Tr H, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 312/6, Tổ 4, Khu 3, đường Ng, phường Ph, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 05 tháng 11 năm 2017, Ng M L đi ngang qua trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi thuộc khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy trong sân trường có để nhiều xe mô tô không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, L gặp Đ V Ph để rủ Ph cùng thực hiện việc lấy trộm xe thì được Ph đồng ý. Đến khoảng 01 giờ ngày 06 tháng 11 năm 2017, L mang theo 01 cây mỏ lết, Ph mang theo 01 cây đoản hình chữ T rồi cùng nhau đi taxi đến trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi. Tại đây, cả hai leo qua tường rào đi vào khu vực bên trong trường thì thấy có 02 nhân viên bảo vệ đang nằm ngủ nên đột nhập vào lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu đen; 01 máy tính bảng Ipad 4 màu trắng; 01 xe mô tô Biển số 61C1-491.71 của ông H M H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen-trắng; 01 xe mô tô Biển số 17B1-912.41 của ông L H D. Sau đó, Ph điều khiển xe mô tô Biển số 61C1-491.71, L điều khiển xe mô tô Biển số 17B1-912.41 cùng chạy về phòng trọ của L ở khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. L

cất giữ chiếc Ipad 4 tại phòng trọ rồi cả hai tiếp tục điều khiển 02 xe mô tô lấy trộm được chạy đến ngã tư Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho đối tượng tên G (không rõ nhân thân, địa chỉ) mang đi bán. Do G không mang theo tiền nên đưa cho Ph và L 01 xe mô tô Honda Airblade (không xác định được biển số) cùng giấy tờ xe để mang đi cầm và hẹn sau khi bán được thì G sẽ đến tiệm cầm đồ chuộc lại xe. Riêng Ph lấy 02 điện thoại di động chiếm đoạt được trước đó đưa cho G sử dụng. Sau đó cả hai đưa xe của G đến một tiệm cầm đồ (không xác định rõ địa chỉ) ở khu vực phường Thuận Giao, thị xã Thuận An cầm lấy số tiền 10.000.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài. Sau khi bán được xe, G đã đến tiệm cầm đồ chuộc lại xe.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông H nhờ ông Tr Ph L và ông Ng H Tr H là thành viên của câu lạc bộ phòng chống tội phạm Phú Hòa truy tìm tài sản bị mất trộm. Thông qua việc định vị 01 máy tính bảng Ipad 4 ông L, ông H xác định được tài sản này đang ở phòng trọ của L nên ông L, ông H tìm tới phòng trọ gặp L và Ph thì cả 02 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 05 đầu đoản bằng kim loại; 03 cây mở khóa bằng kim loại màu trắng; 01 xe mô tô Biển số 61C1-621-11; 01 xe mô tô Biển số 61B1-612.68; 01 điện thoại di động Mobiiistar màu trắng; 01 điện thoại di động Nokia 6300 màu đỏ bạc; 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen bị bể màn hình; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu vàng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell màu đen E6420; 01 máy tính xách tay hiệu HP màu bạc và số tiền 9.920.000 đồng.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận:

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của ông H M H là 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200 màu đen có trị giá là 300.000 đồng; 01 máy tính bảng Ipad 4 màu trắng có trị giá là 4.500.000 đồng; 01 xe mô tô 02 bánh hiệu Yamaha Exciter Biển số 61C1-49171 có trị giá 36.000.000 đồng. Tổng giá trị là 40.800.000 đồng.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của ông L H D là 01 xe mô tô 02 bánh hiệu Honda Waved màu xanh Biển số 17B1-91241 có trị giá 8.900.000 đồng; 01 điện thoại di động LG màu đen trắng có trị giá là 500.000 đồng. Tổng giá trị là 9.400.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của ông H và ông D là 50.200.000 đồng.

Bản cáo trạng số 85/QĐ-KSĐT ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo Đ V Ph về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e, Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Ng M L về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c, e, Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Điểm c, g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Bị cáo Ph, L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm e, Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Đ V Ph mức án tù 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điểm c, e, Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Ng M L mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Và đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đ V Ph, Ng M L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Khoảng 01 giờ ngày 06 tháng 11 năm 2017, Long, L leo qua tường rào đột nhập vào trường trung học Nguyễn Văn Trỗi thuộc khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu đen; 01 máy tính bảng Ipad 4 màu trắng; 01 xe mô tô Biển số 61C1-491.71 của ông H M H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen-trắng; 01 xe mô tô Biển số 17B1-912.41 của ông L H D. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của ông Hoàng và ông D là 50.200.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Đ V Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 10 tháng 9 năm 2008 L bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An (nay là thị xã Thuận An) xử phạt về tội Hủy hoại tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 263/2008/HSST, chưa được xóa án tích L lại tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử theo

Bản án hình sự sơ thẩm số 330/2012/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2012. Ngày 21 tháng 01 năm 2016 L chấp hành xong. Ngày 06 tháng 11 năm 2017 chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều c, e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, có tiền tiêu xài, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, lỗi của các bị cáo là cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tội phạm và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án, bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Ph thực hiện tội phạm, chuẩn bị công cụ phạm tội và cùng bị cáo Ph trực tiếp thực hiện tội phạm nên hành vi của bị cáo có tính nguy hiểm cao nên cần phải xử phạt nghiêm khắc. Bị cáo Ph là đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực và cùng chuẩn bị công cụ phạm tội, vai trò của bị cáo thụ động hơn bị cáo L nhưng bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 19 tháng 01 năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 10 tháng 9 năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An (nay là thị xã Thuận An), tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản; ngày 23 tháng 6 năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên), tỉnh Bình Dương xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nên về tính chất nguy hiểm cũng tương xứng với bị cáo L.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông H M H yêu cầu Đ V Ph và Ng M L liên đới bồi thường trị giá xe mô tô 02 bánh Biển số 61C1-491.71 số tiền là 36.300.000 đồng. Ông L H D yêu cầu Đ V Ph và Ng M L liên đới bồi thường trị giá xe mô tô 02 bánh Biển số 17B1-912.41 và 01 điện thoại di động LG màu đen trắng số tiền là 9.400.000 đồng. Xét thấy, sau khi các bị cáo lấy trộm được xe và điện thoại đã giao cho đối tượng tên G (không rõ nhân thân, địa chỉ) và hiện nay

không thu hồi được, do đó, ông H, ông D yêu cầu các bị cáo Ph và L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt là phù hợp. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đồng ý cùng liên đới bồi thường theo yêu cầu của ông H, ông D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 05 đầu đoản bằng kim loại; 03 cây mở khóa bằng kim loại màu trắng thu giữ trong vụ án là công cụ thực hiện tội phạm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu bạc; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen E6420; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu vàng; 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen bị bể màn hình; 01 điện thoại di động Nokia 6300 màu đỏ - bạc; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu trắng thu giữ của Đ V Ph. Do không có liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho Ph.

Đối với vật chứng là 01 Ipad màu trắng thu giữ trong vụ án. Quá trình điều tra xác định tài sản trên thuộc sở hữu của ông H M H nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông H là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô Biển số 60C1-621.11, kiểu wave S, màu đỏ và 01 xe mô tô Biển số 61B1-612.68 kiểu Exciter màu xám thu giữ của bị cáo Ph và L, cả hai khai nhận mua lại 02 chiếc xe này nhưng không có giấy tờ mua bán, không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Quá trình điều tra xác định 02 xe mô tô trên đều có thông tin chủ sở hữu trong biển số xe khác với đặc điểm xe bị thu giữ; cụ thể Biển số 60C1-621.11 là của ông Ph Th T S, ông S khai xe của ông bị mất trộm từ năm 2015 đến nay chưa tìm thấy, còn Biển số 61B1-612.68 là của ông Ph Q K, ông K khai hiện nay xe ông đang sử dụng. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra giám định số khung, số máy và tra cứu thông tin xác định chủ sở hữu hiện tại của 02 chiếc xe trên là của ông Ng B Ph và V V C. Qua làm việc ông Ph, ông C xác định các ông đã bị mất xe vào khoảng tháng 9 năm 2017 trên địa bàn thị xã Thuận An, nhưng không xác định rõ đối tượng lấy trộm. Do đó, cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra để xử lý trong một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

Đối với số tiền 3.370.000 đồng thu giữ của bị cáo Ph, số tiền 6.550.000 đồng thu giữ của bị cáo L là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với đối tượng tên G là người trực tiếp tiêu thụ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG1200 màu đen – trắng; 01 xe mô tô Biển số 61C1-491.71; 01 xe mô tô Biển số 17B1-912.41, do không xác định được nhân thân, địa chỉ nên chưa có cơ sở xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Đ V Ph và Ng M L phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào Điểm e, Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Đ V Ph 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2017.

Căn cứ vào Điểm c, e, Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Xử phạt bị cáo Ng M L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2017

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 288; Điều 289 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đ V Ph, Ng M L phải liên đới bồi thường cho ông H M H số tiền 36.300.000 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng); buộc bị cáo Đ V Ph, Ng M L phải liên đới bồi thường cho ông L H D số tiền 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy 05 đầu đoản bằng kim loại; 03 cây mở khóa bằng kim loại màu trắng.

- Trả lại cho bị cáo Đ V Ph 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu bạc; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen E6420; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu vàng (model A1687); 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen bị bể màn hình (IC 579C-E2430A); 01 điện thoại di động Nokia 6300 màu đỏ - bạc (Imel: 355714/02/949116/1); 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu trắng (Imel: 352221028382741).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.920.000 đồng (chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Đ V Ph và bị cáo Ng M L.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An và Ủy nhiệm chỉ số 15 ngày 02 tháng 5 năm 2018).

4. Về án phí: Bị cáo Đ V Ph, Ng M L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và liên đới phải chịu 2.285.000 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết